

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

Bản án số: 28/2019/HS - ST
Ngày: 30/7/2019.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lý Văn Chỉnh** và bà **Nông Thị Thương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ma Thị Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Nông Văn Thuật** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2019/TLST - HS, ngày 05 tháng 6 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST – HS, ngày 18 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo: **NGUYỄN XUÂN B** - sinh ngày 18/4/1960 tại Nam Định; nơi ĐKKHKT: tổ 9A, phường Đ, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K (tức Nguyễn Hữu P - đã chết) và bà Vũ Thị L; có vợ là: Nguyễn Thị V và 02 (hai) con; tiền án: 02 (hai):

- Ngày 26/4/2000 bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) BK xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” – (Bản án số 08/HSST).

- Ngày 27/5/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) BK xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 24/2010/HSST) – sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo B kháng cáo, tại bản án hình sự phúc thẩm số 46/2010/HSPT, ngày 23/8/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã quyết định bác đơn kháng cáo của bị cáo B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

tiền sự: không; nhân thân: Nguyễn Xuân B sinh ra tại tỉnh Nam Định và lớn lên tại tỉnh Bắc Kạn, được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 10/10 sau đó lao động tự do tại địa phương, đến năm 1986 thì nghiện chất ma túy. Năm 2005 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại trung tâm giáo dục xã hội tỉnh Bắc Kạn 12 tháng. Năm 2008 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại trung tâm chữa bệnh - giáo dục – lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn 12 tháng.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:** Bà **Nguyễn Thị V** - sinh năm 1960. Trú tại: tổ 9A, phường Đ, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt có lý do – có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15^h30' ngày 24/10/2018 tại tổ 3, phường N, thành phố BK, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố Bắc Kạn bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Xuân B, thu giữ 01 (một) gói nilon màu đen, bên trong có 01 gói nilon màu trắng, bên trong tiếp tục có chứa chất bột màu trắng dạng cục và dạng bột nghi là ma túy thu giữ tại túi áo bên phải, bên ngoài của Nguyễn Xuân B đang mặc trên người, tiến hành niêm phong vào phong bì ký hiệu B1 (tiến hành cân xác định trọng lượng được 0,34 gam và niêm phong vào phong bì ký hiệu M1 gửi cấp trên giám định); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen viền trắng đã qua sử dụng, bên trong có 01 sim viettel có số thuê bao là 0399.471.512 và có số IMEL 013204002481794 thu giữ tại túi áo ngực bên trái của B; số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) thu giữ tại túi áo ngực bên trái áo ngoài của B đang mặc; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Super Cub BKS 16F3 - 7083, có 01 gương chiếu hậu bên trái, xe cũ đã qua sử dụng.

18^h00' cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Xuân B: không thu giữ tài liệu đồ vật gì.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Xuân B khai nhận: gói ma túy mà tổ công tác Công an thành phố Bắc Kạn đã thu giữ trong quá trình bắt quả tang là của B, nguồn gốc số ma túy nói trên là do B đi mua tại khu vực cổng Bệnh Viện E, thành phố HN của một người đàn ông không biết họ, tên, tuổi, địa chỉ cụ thể với giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) vào khoảng tháng 9/2018. Sau khi mua được ma túy, B đem về cất giấu tại nhà mình ở tổ 9, phường Đ, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn. Đến ngày 24/10/2018, B đem gói ma túy nói trên

đến khu vực tổ 3, phường N, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn để tìm chỗ sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma túy nói trên.

Tại kết luận giám định số: 110/KTHS – MT, ngày 02/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,34 gam.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT - VKSTPBK, ngày 04 tháng 6 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Xuân B về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o, khoản 2, điều 249/ BLHS.

*** Điều luật có nội dung:**

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR – 11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a)....

o) Tái phạm nguy hiểm.

Tại phiên toà: - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo B. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và áp dụng điểm o, khoản 2, Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS: xử phạt bị cáo B từ 05 năm đến 06 năm tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo B.

- Bị cáo B thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như viện kiểm sát đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

Khoảng 15^h30' ngày 24/10/2018, tại khu vực tổ 3, phường N, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn, Nguyễn Xuân B đã có hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp 0,34 gam (không phải ba tư gam) chất ma túy (loại heroine). Mục đích Nguyễn Xuân B tàng trữ trái phép chất ma túy là phục vụ nhu cầu sử dụng chất ma túy của bản thân; ngoài

ra không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy. Ngày 27/5/2010 Nguyễn Xuân B bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) BK xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 24/2010/HSST) – sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo B kháng cáo, tại bản án hình sự phúc thẩm số 46/2010/HSPT, ngày 23/8/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã quyết định bác đơn kháng cáo của bị cáo B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm – tại bản án này đã xác định bị cáo B “tái phạm” – đến nay bị cáo chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Xuân B về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o, khoản 2, điều 249/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy, làm gia tăng tội phạm, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân xấu: Năm 2005 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại trung tâm giáo dục xã hội tỉnh Bắc Kạn 12 tháng. Năm 2008 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại trung tâm chữa bệnh - giáo dục – lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn 12 tháng. Bản thân đã có 02 tiền án. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn K được tặng huân chương kháng chiến - theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, điều 51/BLHS.

Vật chứng: - 01 phong bì niêm phong ký hiệu T110, bên ngoài phong bì có dòng chữ “vụ Nguyễn Xuân B”, 04 chữ ký và 02 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn; 01 phong bì niêm phong M2 bên ngoài có dòng chữ “phong bì và giấy gói cũ lưu hồ sơ vụ án”, 02 dấu tròn của Cơ quan CSĐT và 06 chữ ký của những người tham gia niêm phong: tất cả không có giá trị, tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Super Cub BKS 16F3 - 7083 cùng chìa khóa xe: Quá trình điều tra, xác minh làm rõ được chiếc xe này là của bà Nguyễn Thị V (vợ của bị cáo B), việc bị cáo B sử dụng chiếc xe liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thì bà V không biết. Lời khai của bà V và bị cáo B phù hợp nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác. Bà V vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt bà V đều có yêu cầu được xin lại chiếc xe

này để phục vụ cho việc đi lại, sinh hoạt cuộc sống hàng ngày. Xét yêu cầu của bà V là phù hợp với quy định, nên cần thiết trả lại chiếc xe này và chìa khóa xe cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị V theo quy định của pháp luật.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, viền trắng đã qua sử dụng, bên trong có 01 sim điện thoại viettel số thuê bao 0399471512, có số IMEL: 013204002481794: trả lại cho bị cáo B.

- Số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng): tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo B – thừa trả lại cho bị cáo B.

Về nguồn gốc ma túy, bị cáo B khai mua với một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ tại khu vực cổng Bệnh Viện E, thành phố HN 01 gói với giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý.

Tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định bị cáo không có điều kiện để đảm bảo cho việc thi hành án, nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo B.

Bị cáo B phải chịu tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Xuân B phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Căn cứ vào điểm o, khoản 2, Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Xuân B: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 24/10/2018.

* Vật chứng: Áp dụng điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu T110, bên ngoài phong bì có dòng chữ “vụ Nguyễn Xuân B”, 04 chữ ký và 02 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn; 01 phong bì niêm phong M2 bên ngoài có dòng chữ “phong bì và giấy gói cũ lưu hồ sơ vụ án”, 02 dấu tròn của CQCSĐT và 06 chữ ký của những người tham gia niêm phong.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị V: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Super Cub BKS 16F3 - 7083 cùng chìa khóa xe (xe cũ đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu bên phải, hai bánh xít hết hơi, số khung 2130147, số máy 2044165, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

- Trả lại cho bị cáo B: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, viền trắng đã qua sử dụng, bên trong có 01 sim điện thoại viettel số thuê bao 0399471512, có số IMEL: 013204002481794.

- Số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng): tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo B – thừa trả lại cho bị cáo B.

* Về án phí: Căn cứ Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi liên quan Nguyễn Thị V vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSTBK: 1
- VKSTPBK: 2
- CATPBK: 2
- Bị cáo: 1
- NCQLLQ: 1
- STPTBK: 1
- TA tỉnh: 1
- T.H.A: 2
- Lưu hồ sơ: 1
- Lưu VP: 1.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Vang